

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN MINH VY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN MINH VY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH VY ELECTRIC MECHANICAL TECHNOLOGY AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH VY ME & TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3702734617

3. Ngày thành lập: 04/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

216/2, đường ống nước thô D2400, Khu phố Đông A, Phường Đông Hòa, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: sales.minhvy@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu ô tô và xe có động cơ khác	4511
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản, môi giới bảo hiểm)	4610
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
16.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
17.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản (trừ tư vấn dịch vụ mang tính chất pháp lý)	6820
24.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Thiết kế nội thất, ngoại thất công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường bộ. Thiết kế xây dựng công trình cầu đường, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn dịch vụ mang tính chất pháp lý). Lập dự toán, tổng dự toán công trình.	7110
25.	Cho thuê xe có động cơ	7710
26.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
27.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
28.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni, Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn	4663
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu cao su và nhựa kỹ thuật, tơ, sợi dệt, phấn hoa, hàng thủ công mỹ nghệ, vật phẩm phong thủy	4669
32.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312

33.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3319
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
35.	Phá dỡ	4311
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự bán buôn, xuất nhập khẩu đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
40.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn xuất nhập khẩu kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
41.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
47.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
50.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

Thời gian đăng từ ngày 04/01/2019 đến ngày 03/02/2019

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ VÂN ANH	Thôn 6, Xã Trung Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	194419569	
2	ĐỒNG THANH THỊNH	Ấp Suối Bà Chiêm, Xã Tân Hoà, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	024088000265	
3	ĐỒNG THANH TÌNH	Ấp Suối Bà Chiêm, Xã Tân Hoà, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	290920916	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/05/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 194419569

Ngày cấp: 18/10/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 6, Xã Trung Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *216/2, đường ống nước thô D2400, khu phố Đông A, Phường Đông Hòa, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương